

Nội dung

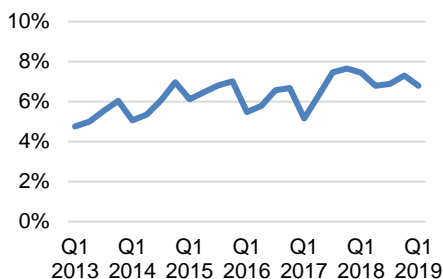
1. Ngân sách nhà nước thặng dư	2
2. Sản xuất công nghiệp mở rộng liên tục trong 42 tháng	2
3. Cán cân thương mại Việt Nam thấp kỷ lục so với đầu năm	3
4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trưởng vững chắc	5
5. Chỉ số giá tiêu dùng trong tầm kiểm soát	6
6. Tỷ giá hối đoái duy trì ổn định	7
7. Bảng điểm vĩ mô	9

Các chỉ số vĩ mô

	Tháng 4	Tháng 5
CPI (% n/n)	2.93%	2.88%
PMI	52.5	52
Xuất khẩu (% n/n)	8.3	7.8
Nhập khẩu (% n/n)	19.7	9.8
FDI giải ngân (tỷ USD)	1.60	1.58
USDVND	23,280	23,396

Nguồn: GSO, Nikkei, IHS Markit, Bloomberg, FIA

Tăng trưởng GDP theo quý



Nguồn: GSO

Nguyễn Trọng Ý

(+84-28) 3914 8585 - Ext: 1463

y.nt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84-28) 3914 8585 - Ext: 1464

hieu.ttm@kisvn.vn

www.kisvn.vn

FDI giải ngân kỳ vọng sẽ gia tăng theo tính thời vụ

Chỉ số quản lý mua hàng (PMI) giảm nhẹ từ mức đỉnh 5 tháng, từ 52.5 điểm trong tháng 04/2019 xuống còn 52 điểm. Tuy nhiên, lĩnh vực công nghiệp đã mở rộng trong 42 tháng qua (PMI lớn hơn 50 điểm), đánh dấu giai đoạn mở rộng dài nhất kể từ khi được khảo sát lần đầu vào tháng 03/2012.

Cán cân thương mại ghi nhận mức thâm hụt đáng kể 1.3 tỷ USD, mức thấp nhất kể từ đầu năm. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam tăng 7.8% n/n lên 21.5 tỷ USD vào tháng 05/2019. Giá trị nhập khẩu đạt 22.8 tỷ USD (+9.8% n/n). Nhập khẩu tăng cao gây ra thâm hụt thương mại 1.3 tỷ USD, tương tự như cuối năm 2018.

Vốn đầu tư giải ngân được dự báo sẽ tăng mạnh vào tháng 06/2019 do tính thời vụ. Trong tháng 5, vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đã đăng ký vào Việt Nam là 2.15 tỷ USD, tăng 16.8% n/n, trong khi vốn FDI giải ngân là 1.6 tỷ USD, giảm 3% n/n. Vốn đầu tư giải ngân thường tăng theo thời vụ trong tháng 6 và tỷ lệ nghịch với 3 tháng trước. Chúng tôi sử dụng mô hình này để dự phóng vốn FDI giải ngân vào tháng 06/2019 ở mức 3.58 tỷ USD, tăng 121% n/n và 123.7% t/t. Việc giải ngân vào tháng Sáu sẽ dẫn đến vốn giải ngân lũy kế trong nửa đầu 2019 đạt mức 10.88 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 05/2019 tăng nhẹ 0.49% so với cùng kỳ, chủ yếu từ nhóm Giao thông (+2.64% t/t) và Nhà ở & Vật liệu xây dựng (+1.28% t/t). CPI trung bình 5 tháng đầu năm có mức tăng thấp nhất 3 năm trở lại đây, chỉ đạt +2.74% n/n.

Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định so với khu vực Đông Nam Á. Cuối tháng 05/2019, tỷ giá USD/VND được giao dịch ở mức 23,396 (23,396 đồng Việt Nam cho 1 đô la Mỹ), tăng 0.5% so với cùng kỳ. Nhìn chung, các đồng nội tệ trong khu vực đã trượt giá 3 tháng liên tiếp so với đồng đô la Mỹ do lo ngại Trung Quốc sẽ theo đuổi chính sách phá giá đồng Nhân dân tệ để trả đũa việc tăng thuế của Mỹ.

Ngân sách nhà nước thặng dư

Tính đến ngày 15/05/2019, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 553.5 nghìn tỷ đồng, tăng 12.9% n/n, đạt 39.2% dự toán năm. Cụ thể hơn, thu nội địa đạt 447.6 nghìn tỷ, tương đương 38.1% dự toán năm, thu từ dầu thô đóng góp 21.8 nghìn tỷ (48.9%) và thu từ xuất nhập khẩu đạt 83.3 nghìn tỷ (44%).

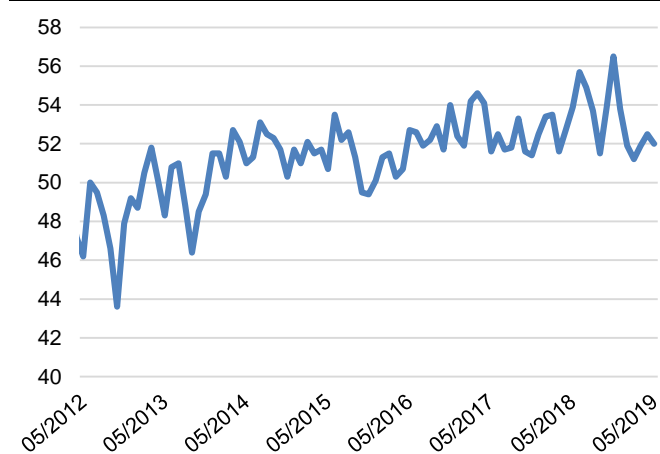
Trong khi đó, tổng chi ngân sách nhà nước ước tính là 486.9 nghìn tỷ đồng, tăng 3.5% n/n, chiếm 29.8% dự toán năm. Trong đó, chi thường xuyên là 358.2 nghìn tỷ, chiếm 35.8% dự toán năm, chi đầu tư phát triển là 82.5 nghìn tỷ (19.2%) và chi trả nợ lãi là 43.9 nghìn tỷ (35.2%).

Sản xuất công nghiệp mở rộng liên tục trong 42 tháng

PMI tháng 05/2019 giảm nhẹ từ mức đỉnh 5 tháng, từ 52.5 điểm trong tháng 04/2019 xuống còn 52 điểm. Tuy nhiên, lĩnh vực công nghiệp vẫn có thời gian mở rộng kỷ lục trong 42 tháng qua (PMI lớn hơn 50 điểm), đánh dấu giai đoạn mở rộng dài nhất kể từ khi được khảo sát lần đầu vào tháng 03/2012.

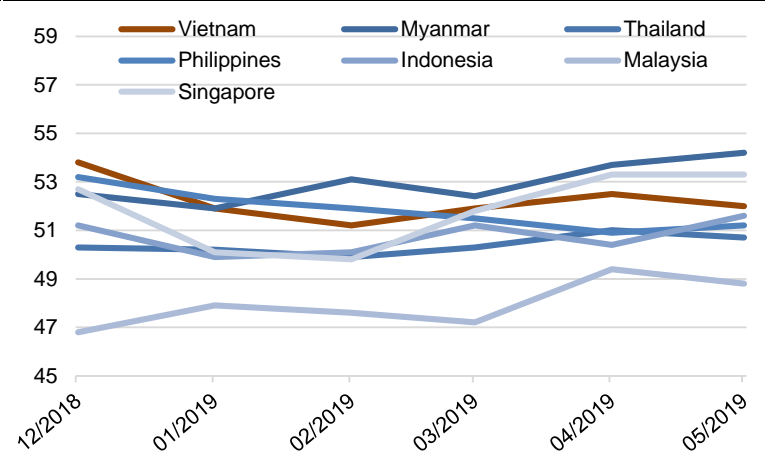
Sự cải thiện trong lĩnh vực sản xuất xuất phát từ việc gia tăng khách hàng mới, giúp sản lượng và số lượng đơn hàng đều được nâng cao đáng kể. Tuy nhiên, việc làm lại có xu hướng điều chỉnh 3 trong 4 tháng vừa qua. Việc này tạo ra một vấn đề lớn và không cân xứng với tăng trưởng số lượng đơn hàng.

Hình 1. Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI)



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

Hình 2. Chỉ số PMI tại ASEAN



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

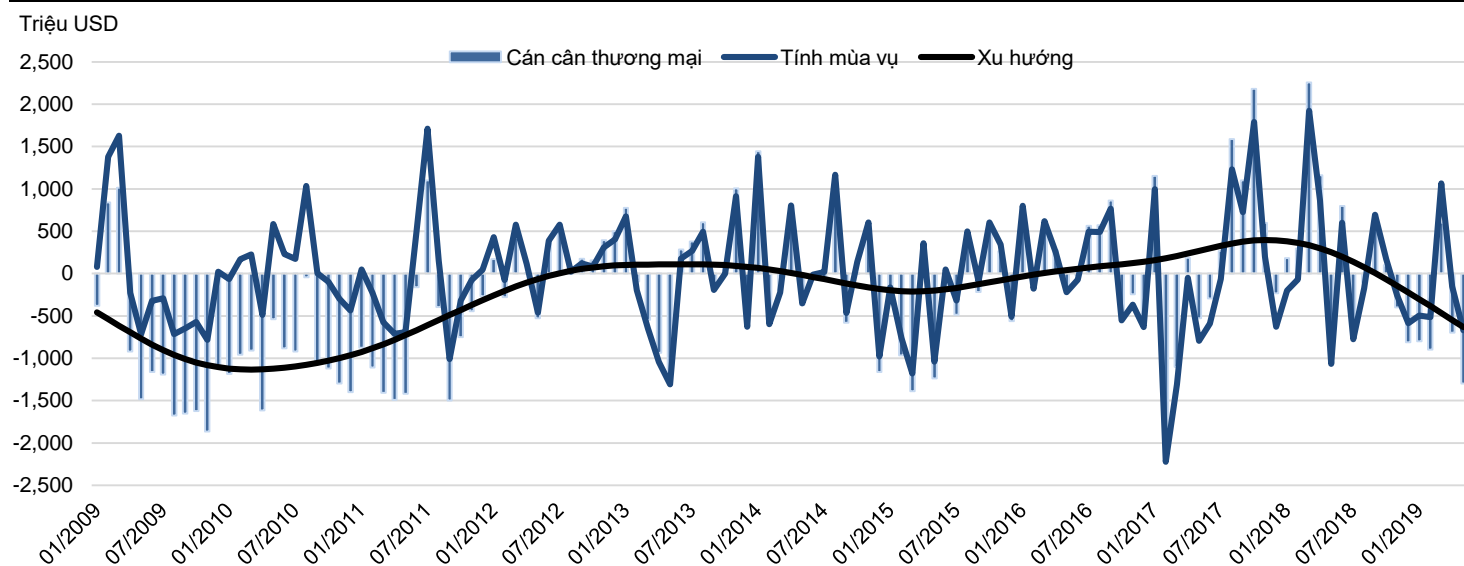
PMI của ASEAN có sự cải thiện nhẹ khi đạt 50.6 điểm so với mức 50.4 điểm trong tháng trước nhờ vào gia tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới. 6/7 quốc gia trong khối được IHS Markit khảo sát cho thấy sự mở rộng trong lĩnh vực sản xuất với PMI lớn hơn 50 điểm gồm: Việt Nam, Myanmar, Thái Lan, Philippines, Indonesia và Singapore. Trong đó, Myanmar cho thấy sự tăng trưởng tốt nhất với PMI đạt 54.2 điểm và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng đáng kể.

Lần đầu tiên kể từ tháng 09/2016, các công ty trong khu vực tăng hàng tồn kho khi nhu cầu từ khách hàng gia tăng. Việc này kéo theo giá cả đầu vào và chi phí tổng thể tăng trong tháng 05. Các nhà sản xuất Việt Nam đã giảm giá bán trong sáu tháng trong khi sự tăng giá được ghi nhận từ các nước trong khu vực.

Cán cân thương mại Việt Nam thấp kỷ lục so với đầu năm

Theo GSO, giá trị xuất khẩu của Việt Nam đã tăng 7.8% n/n lên 21.5 tỷ USD trong tháng 05/2019. Giá trị nhập khẩu cũng tăng 9.8% n/n, đạt 22.8 tỷ USD. Từ cuối 2018, nhập khẩu bắt đầu tăng trưởng mạnh, gây ra thâm hụt thương mại 1.3 tỷ USD trong tháng Năm.

Hình 3. Cán cân thương mại



Nguồn: KIS, GSO

Ghi chú:

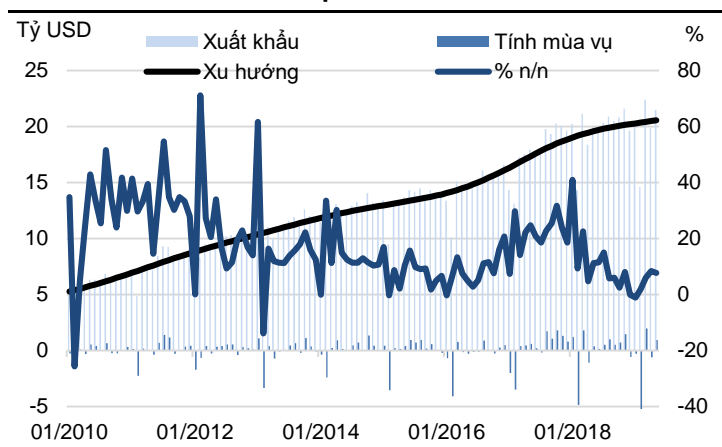
- Tính thời vụ thương mại: biểu thị sự thay đổi cán cân thương mại được giải thích bởi yếu tố thời vụ. Các thành phần thời vụ được thu thập từ phương pháp lọc HP.
- Xu hướng thương mại: biểu thị sự thay đổi cán cân thương mại theo thời gian. Các thành phần xu hướng được thu thập từ phương pháp lọc HP.

Khu vực FDI tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thương mại tháng Năm. Cụ thể, xuất khẩu từ khu vực FDI đạt 14.79 tỷ USD, chiếm 68.6% tổng trị giá xuất khẩu, tăng 6.1% n/n. Nhập khẩu từ khu vực FDI đạt 12.6 tỷ USD, chiếm 55.3% tổng trị giá nhập khẩu, tăng 7.2% n/n. Tuy nhiên, tỷ lệ thương mại của nhóm này đã giảm liên tục trong 4 tháng và trở nên cân bằng hơn so với các thành phần kinh tế trong nước.

Về phía xuất khẩu, Dệt may và Điện tử tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam với tỷ trọng lần lượt là 12.1% và 12.6%, tăng nhẹ do tăng trưởng của các mặt hàng này cao hơn so với mức tăng trưởng chung của tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm nhóm xuất khẩu hàng đầu của tháng 05/2019 bao gồm Điện tử, Dệt may, Giày dép, Máy móc và Gỗ, chiếm 43.6% tổng giá trị xuất khẩu. Trong đó, giá trị xuất khẩu gỗ đã ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể là 20.9% n/n, Máy móc chỉ còn giảm nhẹ -0.5% n/n, so với -4.5% n/n trong tháng Tư.

Về phía nhập khẩu, Điện tử và Máy móc tiếp tục dẫn đầu trong tháng 05/2019 với trị giá nhập khẩu là 4 tỷ USD và 3.2 tỷ USD, đóng góp lần lượt 17.5% và 14% tổng trị giá nhập khẩu. Tốc độ tăng trưởng của hai mặt hàng trên đã giảm xuống so với tháng Tư (Điện tử 46.8% còn 16.1%; Máy móc 22.4% xuống còn 4.5%). Điện tử, Máy móc, Vải, Thép và Nhựa vẫn là 5 nhóm nhập khẩu hàng đầu, chiếm 45.2% tổng kim ngạch nhập khẩu. Điện tử là nhóm tăng trưởng nhanh nhất trong khi thép giảm -7% n/n so với mức tăng trưởng 5% n/n trong tháng Tư.

Hình 4. Xuất khẩu của Việt Nam

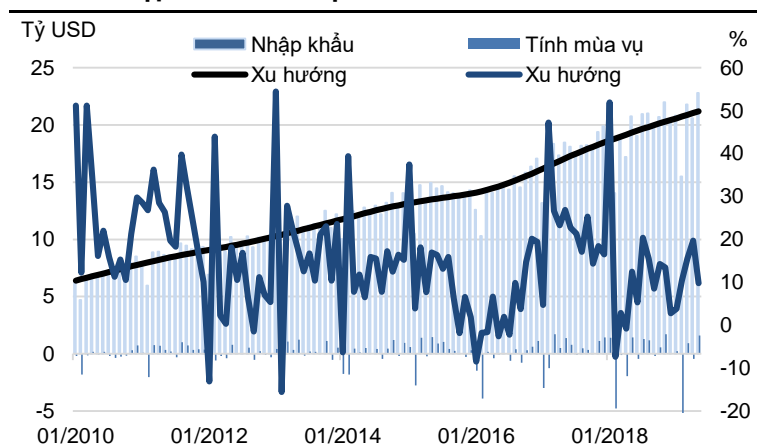


Nguồn: KIS, GSO

Ghi chú:

- Tính thời vụ của xuất khẩu: các thành phần thời vụ được thu thập từ phương pháp lọc HP, cho thấy những biến động xuất khẩu được giải thích bởi yếu tố thời vụ.
- Xu hướng xuất khẩu: các thành phần xu hướng được thu thập từ phương pháp bộ lọc HP, biểu thị sự thay đổi xuất khẩu theo thời gian.

Hình 5. Nhập khẩu của Việt Nam



Nguồn: KIS, GSO

Ghi chú:

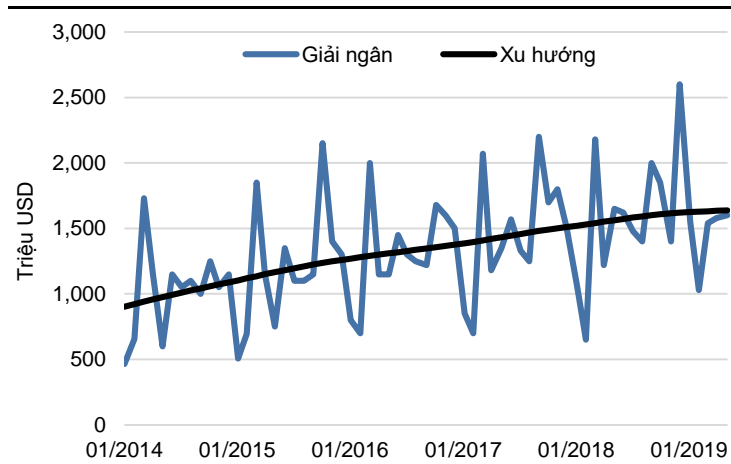
- Tính thời vụ của nhập khẩu: các thành phần thời vụ được thu thập từ phương pháp lọc HP, cho thấy những biến động nhập khẩu được giải thích bởi yếu tố thời vụ.
- Xu hướng nhập khẩu: các thành phần xu hướng được thu thập từ phương pháp bộ lọc HP, biểu thị sự thay đổi nhập khẩu theo thời gian.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trưởng vững chắc

Trong tháng 5, dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đã đăng ký vào Việt Nam là 2.15 tỷ USD, tăng 16.8% n/n, trong khi vốn FDI giải ngân là 1.6 tỷ USD, giảm 3% n/n.

Theo lĩnh vực đầu tư, trong 5 tháng đầu năm 2019, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 lĩnh vực, trong đó chủ yếu tập trung vào Chế biến và Sản xuất với tổng số vốn là 12 tỷ USD, chiếm 71.8% tổng vốn đăng ký. Bất động sản đứng thứ hai với số vốn đăng ký 1.38 tỷ USD, chiếm 8.2%. Vị trí thứ ba là Bán buôn và bán lẻ với số vốn đăng ký là 864 triệu USD, chiếm 5.2%.

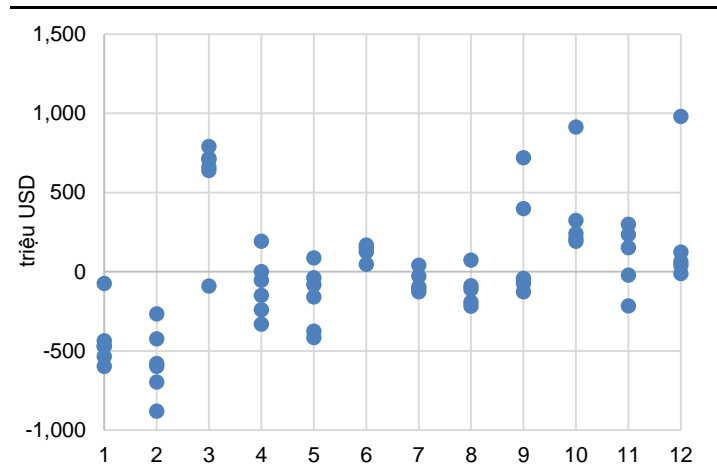
Hình 6. Vốn FDI giải ngân



Nguồn: KIS, FIA

Ghi chú: Xu hướng vốn giải ngân: các thành phần xu hướng được thu thập từ phương pháp bộ lọc HP, cho thấy sự thay đổi vốn giải ngân theo thời gian

Hình 7. Tính thời vụ của vốn FDI giải ngân



Nguồn: KIS, Bloomberg, FIA

Theo đối tác đầu tư, trong 5 tháng đầu năm 2019, đã có 88 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Hồng Kông là nhà đầu tư lớn nhất với tổng vốn đầu tư là 5.08 tỷ USD, chiếm 30.4% tổng vốn đầu tư. Hàn Quốc theo sau với 2.62 tỷ USD, chiếm 15.7%; Singapore đứng ở vị trí thứ ba với 2.09 tỷ USD, chiếm 12.5%. Trung Quốc và Nhật Bản lần lượt đứng thứ tư và thứ năm, với tổng vốn đăng ký là 2.02 tỷ USD và 1.52 tỷ USD.

Vốn đầu tư giải ngân thường tăng theo theo thời vụ trong tháng 6 và tỷ lệ nghịch với 3 tháng trước. Chúng tôi sử dụng mô hình này để dự phóng vốn FDI giải ngân vào tháng 06/2019 ở mức 3.58 tỷ USD, tăng 121% n/n và 123.7% t/t. Việc giải ngân vào tháng Sáu sẽ dẫn đến vốn giải ngân lũy kế trong nửa đầu 2019 đạt mức 10.88 tỷ USD.

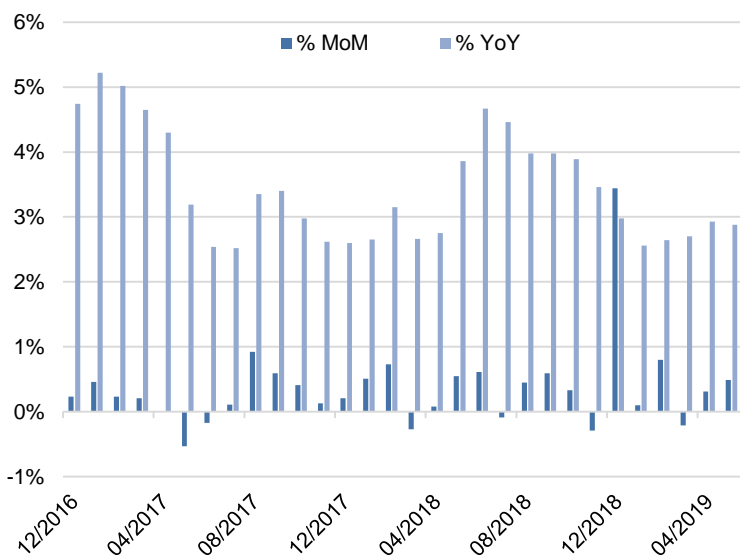
Chỉ số giá tiêu dùng trong tầm kiểm soát

CPI tháng 05/2019 tăng nhẹ 0.49% so với cùng kỳ, đóng góp nhiều nhất vào mức tăng này là nhóm Giao thông tăng +2.64% và Nhà ở & Vật liệu xây dựng +1.28% so với cùng kỳ. Tăng trưởng giá dầu là nguyên nhân chủ yếu khiến nhóm Giao thông tăng mạnh.

CPI trung bình 5 tháng đầu năm có mức tăng thấp nhất trong 3 năm trở lại đây, đạt +2.74% n/n. 9/11 nhóm ghi nhận sự tăng trưởng, trong đó đáng chú ý là mức tăng từ Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4.64%), Giáo dục (+6.23%), và Nhà ở và vật liệu xây dựng (+2.58%). Có 4 nguyên nhân chính cho mức tăng CPI kể từ đầu năm:

- Nhu cầu tiêu dùng cao trong dịp Tết Nguyên đán đã đẩy giá lương thực tăng cao trong tháng 01/2019.
- Giá xăng dầu có xu hướng tăng theo giá dầu thế giới, theo đó giá xăng E5RON92 (+24.3%), RON95 (+30.4%) và dầu diesel (+16.7%).
- Lộ trình tăng học phí vẫn đang tiến hành theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm giá dịch vụ giáo dục có xu hướng tăng.
- Bộ Công thương điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân +8.36% trong tháng 03/2019.

Hình 8. Lạm phát



Nguồn: GSO

Hình 9. Lạm phát YTD theo ngành tháng 05/2019

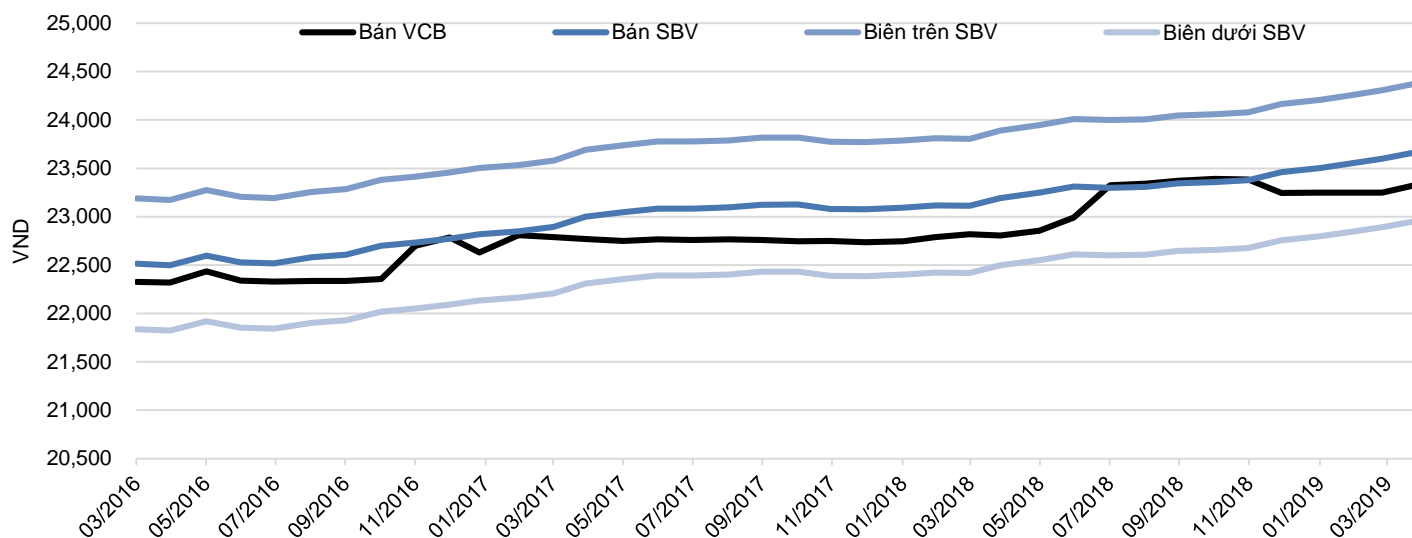
Chỉ số giá tiêu dùng	2.74%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	4.64%
Đồ uống và thuốc lá	1.75%
May mặc, mũ nón, giày dép	1.72%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	2.58%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.32%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.56%
Giao thông	-1.34%
Bưu chính viễn thông	-0.76%
Giáo dục	6.23%
Văn hoá, giải trí và du lịch	1.95%
Hàng hoá và dịch vụ khác	2.25%

Nguồn: GSO

Tỷ giá hối đoái duy trì ổn định

Tại ngày 31/05/2019, tỷ giá USD/VND được giao dịch ở mức 23,396 (23,396 đồng Việt Nam cho 1 đô la Mỹ), tăng 0.5% so với cùng kỳ. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp đồng Việt Nam bị mất giá so với đô la Mỹ, với tỷ lệ trung bình khoảng 0.2%/tháng.

Hình 10. Tỷ giá hối đoái Việt Nam – USD/VND



Nguồn: KIS, Bloomberg

Nhìn rộng ra khu vực, trong 3 tháng qua, cặp USD/VND tiếp tục tăng song song với các cặp tiền tệ khác ở Đông Nam Á do lo ngại Trung Quốc sẽ theo đuổi chính sách phá giá đồng Nhân dân tệ để trả đũa việc tăng thuế của Mỹ. Vào cuối tháng 05/2019, đồng Ringgit của Malaysia và đô la Singapore mất giá nhiều nhất so với USD ở mức 1.4%, trong khi đồng Baht của Thái Lan tăng 0.3% so với đồng đô la Mỹ.

Hình 11. Thay đổi đồng nội tệ so với đồng Đô la Mỹ ở Đông Nam Á

	Thái Lan	Malaysia	Indonesia	Singapore	Philippines	Myanmar	Việt Nam
	USD/THB	USD/MYR	USD/IDR	USD/SGD	USD/PHP	USD/MMK	USD/VND
01/2019	-3.4%	-0.9%	-2.9%	-1.3%	-0.7%	-1.2%	0.1%
02/2019	1.1%	-0.7%	0.7%	0.5%	-0.9%	-1.4%	0.0%
03/2019	0.5%	0.4%	1.2%	0.3%	1.7%	2.2%	0.0%
04/2019	0.5%	1.3%	0.1%	0.4%	-1.3%	-0.8%	0.4%
05/2019	-0.3%	1.4%	0.9%	1.4%	1.0%	0.8%	0.5%

Nguồn: KIS, Bloomberg

Hình 12. Chế độ tỷ giá hối đoái ở Đông Nam Á của IMF

Quốc gia	Chế độ tỷ giá hối đoái	Tỷ lệ thành viên trong IMF
Brunei	Cố định	11/192
Singapore	Thả nổi có quản lý	24/192
Việt Nam	Thả nổi có quản lý	24/192
Lào	Thả nổi có quản lý	24/192
Campuchia	Chính sách quản lý khác	18/192
Myanmar	Chính sách quản lý khác	18/192
Indonesia	Thả nổi	38/192
Philippines	Thả nổi	38/192
Thái Lan	Thả nổi	38/192
Malaysia	Thả nổi	38/192

Nguồn: KIS, IMF

Bảng điểm vĩ mô

	04/2019	05/2019	4Q2018	1Q2019	2016	2017	2018	2019P
Tăng trưởng GDP thực tế (%)			7.30	6.79	6.21	6.81	7.08	6.5
GDP danh nghĩa (tỷ USD)			80.50	48.10	197.7	220.5	238.5	260.3
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	3.786	6.458	3.85	3.82	15.2	21.3	18.0	18.2
Vốn FDI đăng ký/GDP (%)			4.78	7.94	7.7	9.6	7.5	8.3
GDP đầu người (USD)					2,172	2,353	2,551	2,730
Tỷ lệ thất nghiệp (%)					2.33	2.21	2.21	2.25
Xuất khẩu (tỷ USD)	19.9	21.5	65.80	58.50	175.9	213.8	244.7	280.8
Nhập khẩu (tỷ USD)	20.6	22.8	64.00	58.00	173.3	211.1	237.5	268.3
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	17.6	8.3	5.30	14.70	4.60	20.80	11.50	12.3
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	7.5	7.5	6.50	5.40	8.60	21.10	13.80	14.5
Lạm phát (%)	2.93	2.88	2.98	2.70	4.74	2.60	2.98	3.1
USDVND	23,280	23,415	23,175	23,189	22,761	22,698	23,175	23,410
Tăng trưởng tín dụng (%)					18.25	18.24	13.89	14
Trái phiếu chính phủ 10 năm (%)	4.8	4.75	5.13	4.83	6.20	5.15	4.95	5.43
Tiền gửi liên ngân hàng 3T (%)	4.23	4.35	5.60	4.54	4.97	4.37	5.00	4.78
Tỷ lệ cán cân ngân sách/GDP (%)					5.00	3.50	-1.80	2.2

Nguồn GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Liên hệ

Trụ sở chính HCM

Tầng 3, Tòa nhà TNR

180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP.HCM

Tel: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6898

Phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Nguyên tắc khuyến nghị

TĂNG TỶ TRỌNG: nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

TRUNG LẬP: nếu giá mục tiêu cao/thấp hơn -5 đến 15% (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) so với giá thị trường.

GIẢM TỶ TRỌNG: nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -5%.

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của **KIS** được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. **KIS** không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, **KIS** cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của **KIS** có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng **KIS** cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của **KIS** có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của **KIS**.